

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹: **Không áp dụng.**

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt²: **Áp dụng**

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Đánh giá E-HSĐT theo tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật theo phương pháp Áp dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt”

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
1.1. Đối với các vật	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn	Đạt	.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

tư, vật liệu chính (cát, sỏi, xi măng, cốt thép, đá dăm, gạch xây, gạch lát,...).	vị cung cấp đáp ứng yêu cầu.		
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp đáp ứng yêu cầu.	Không đạt	.
1.2. Đối với thiết bị điện, chiếu sáng, cấp thoát nước...	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp đáp ứng yêu cầu.	Đạt	.
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp đáp ứng yêu cầu.	Không đạt	.
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2 được xác định là đạt	Đạt	.
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt	.

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Có sơ đồ tổ chức hiện trường, bố trí rõ khu tập kết thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt	.
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại.	Chấp nhận được	.

thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt	.
2.2. Thi công Cải tạo nhà lớp học 3 tầng 12 phòng	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng và đơn giá dự thầu.	Đạt	.
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đơn giá dự thầu.	Không đạt	.
2.3. Thi công Cải tạo nhà lớp học 3 tầng kiêm phòng chức năng	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng và đơn giá dự thầu.	Đạt	.
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đơn giá dự thầu.	Không đạt	.
2.4. Thi công các hạng mục còn lại,.. hoàn thiện toàn bộ công trình,..	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng và đơn giá dự thầu.	Đạt	.
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù	Không	.

	hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đơn giá dự thầu.	đạt	
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 2.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được. Các tiêu chuẩn chi tiết 2.2, 2.3, 2.4 được xác định là đạt	Đạt	.
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt	.

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
3.1. Bảo đảm giao thông (cho các xe vào ra công trường và lưu thông trên đường):	Có đề xuất biện pháp đảm bảo giao thông	Đạt	.
	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.	Không đạt	.
3.2. Thi công các hạng mục chính: bố trí đủ lực lượng thi công, mô tả biện pháp, công nghệ thi công theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Bố trí đủ lực lượng thi công. Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt	.
	Không bố trí đủ lực lượng thi công, hoặc đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công.	Không đạt	.
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt	.

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt	.
--	--	-----------	---

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 240 ngày	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 240 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt	.
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 240 ngày.	Không đạt	.
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c) Giữa bố trí cung ứng vật tư, vật liệu, thiết bị chính và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a) b) và c).	Đạt	.
	Đề xuất không đủ 3 nội dung a) b) và c).	Không đạt	.
4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt	.
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không	Không đạt	.

yêu cầu của E-HSMT	khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.		
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt	.
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt	.

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công xây dựng	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	.
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt	.
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng vật liệu đầu vào đảm bảo chất lượng	Đạt	.
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt	.
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt	.

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt	.
--	--	-----------	---

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
6.1. An toàn lao động			
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	.
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	.
6.2. Phòng cháy, chữa cháy			
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	.
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	.

6.3. Vệ sinh môi trường			
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	.
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	.
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt	.
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt	.

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá	
7.1. Bảo hành			
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt	.
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt	.
7.2. Uy tín của nhà thầu			

7.2.1. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm trở lại đây.	Không có hợp đồng tương tự nào chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Đạt	.
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Không đạt	.
7.2.2. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham gia đấu thầu	- Không bị bất cứ Chủ đầu tư/Bên mời thầu nào trên lãnh thổ Việt Nam cấm tham gia đấu thầu. - Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng: Có bản cam kết không xảy ra trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đạt	.
	- Đã bị bất cứ Chủ đầu tư/Bên mời thầu nào trên lãnh thổ Việt Nam cấm tham gia đấu thầu. - Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng: Không có bản cam kết hoặc Bên mời thầu có bằng chứng cho thấy nhà thầu cam kết không trung thực	Không đạt	.
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2 được xác định là đạt	Đạt	.

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt	.
--	--	-----------	---

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất³:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT

³ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

4.2. Phương pháp giá đánh giá⁴: Không áp dụng

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không được phép

⁴ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.